TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20/01/2021

"V/v tranh chấp ly hôn và yêu cầu nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hoàng Hổ**.

2. Ông **Phạm Duy Tân**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Út Sang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:180/2020/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXX-HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thị X**, sinh năm 1993 (Có mặt).

HKTT: Ấp M K, xã M, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn H C**, sinh năm 1984 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M K, xã M, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Hiện đang chấp hành án tại đội 16, phân trại số II, Bộ Công an.

Trụ sở phân trại: Ấp K, xã A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Thị X trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn H C tự tìm hiểu, quen biết nhau và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán ở địa phương và có đăng kết kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 03/5/2017, tại UBND xã M, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh C thiếu quan tâm chăm sóc vợ con. Bản thân anh C có tính gia trưởng, mỗi khi chị khuyên nhủ anh C lo làm ăn, ít đi chơi lại thì anh C đánh chị và có lần đánh đến chị phải nhập viện.

Do đó, chị bỏ về cha mẹ ruột ở G sinh sống từ ngày 13/5/2018 cho đến nay và cũng từ đó đến nay anh C không có tới thăm chị và con. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn H C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 người con tên Nguyễn V P, sinh ngày 01/10/2017. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 18 tháng 12 năm 2020, anh Nguyễn H C trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian vợ chồng quen biết, tìm hiểu và xác lập hôn nhân đúng như chị X trình bày nhưng theo yêu cầu của chị X thì anh không đồng ý ly hôn với chị X, do anh còn thương yêu chị X, mong muốn sau khi chấp hành án xong trở về sống với chị X để con có một gia đình đầy đủ cha, mẹ.

- Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị X, vợ chồng chung sống có một người con chung tên Nguyễn V P, sinh ngày 01/10/2017, con hiện do chị X đang trực tiếp nuôi dưỡng; bản thân anh đang chấp hành án không có điều kiện để nuôi con, do đó trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đồng ý giao con chung cho chị X nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị X, vợ chồng chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị X giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh C, mặc dù đã được Hội đồng xét xử (HĐXX) động viên nhưng chị vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn H C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn H C vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 18/12/2020 do đang chấp hành án, không có điều kiện để tham gia phiên tòa. Xét thấy việc anh C đề nghị vắng mặt là hoàn tự nguyện và phù hợp theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Nguyễn H C.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị X và anh C kết hôn với nhau vào ngày 03/5/2017 trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán ở địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa chị X với anh C là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay. Từ khi hai bên ly thân đến nay cả hai đã bỏ mặc không quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức hòa giải động viên hai bên tạo điều kiện để vợ chồng có hội hàn gắn, đoàn tụ với nhau cùng chăm lo cho con. Tuy nhiên, chị X cho rằng vợ chồng đã phát sinh rất nhiều mâu thuẫn bản thân chị X nhiều lần bị anh C bạo lực gia đình phải nhập viện điều trị. Anh C không chăm lo làm ăn mà còn vi phạm pháp luật nên chị cương quyết xin ly hôn với anh Nguyễn H C.

Từ đó, thấy rằng đời sống quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét căn cứ vào khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận cầu ly hôn của chị X.

- Về con chung: Chị X và anh C chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn V P, sinh ngày 01/10/2017, hiện đang sống với chị X, khi ly hôn chị X yêu cầu được

nuôi con chung không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn H C thống nhất với yêu cầu nuôi con của chị Thị X.

Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến này của chị X và anh Nhơn, khi vợ chồng ly hôn giao con chung tên Nguyễn V P, sinh ngày 01/10/2017 cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng. Chị X không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị X và anh C thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0004245 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 227, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 khoản 56, Điều 58, Điều, khoản 2 Điều 81, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho chị Thị X được ly hôn với anh Nguyễn H C.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn V P, sinh ngày 01/10/2017 cho chị Thị X trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Khi cần thiết chị X và anh C có quyền yêu cầu việc thay đổi nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị X phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004245 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị X đã nộp xong tiền án phí vụ án.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho chị Thị X có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/01/2021). Đối với anh Nguyễn H C vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện;*
- *THADS huyện;*
- *UBND xã M;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu Văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lư Quốc Thịnh